

Số: /QĐ- UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung  
thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH/QH14 ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;*

*Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 1692/SXD-QH ngày 27 tháng 3 năm 2020 về việc Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035 (kèm theo Tờ trình số 43/TTr-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2020 của UBND huyện Bá Thước).*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, với nội dung chính sau:

### **1. Phạm vi lập quy hoạch**

Phạm vi nghiên cứu quy hoạch bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của thị trấn Cành Nàng mới (sau khi sát nhập xã Tân Lập và xã Lâm Xa theo Nghị quyết 786/NQ-UBTVQH/QH14 ngày 16/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội), ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc: giáp xã Ban Công;
- Phía Đông: giáp xã Hạ Trung và xã Ái Thượng;
- Phía Tây: giáp xã Ban Công và xã Thiết Ống;
- Phía Nam: giáp xã Thiết Ống.

Tổng diện tích nghiên cứu lập điều chỉnh, mở rộng quy hoạch thị trấn Bá Thước khoảng 2.522,36 ha.

**2. Tính chất, chức năng đô thị:** Là đô thị loại V; trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện Bá Thước.

### **3. Quy mô dân số**

- \* Dân số hiện trạng khu vực nghiên cứu lập quy hoạch khoảng: 9.692 người.
- \* Dân số dự báo phát triển của thị trấn Cành Nàng mở rộng:
  - Đến năm 2025 dân số khoảng: 11.000 người;
  - Đến năm 2030 dân số khoảng: 13.500 người.

### **4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu**

#### **4.1. Quy mô đất đai xây dựng**

- Quy mô đất xây dựng đô thị được tính toán áp dụng tiêu chuẩn Quy hoạch đô thị loại V và tiêu chuẩn theo nghị quyết 1210, 1211 về phân loại đô thị cho đô thị miền núi có quy mô dân số khoảng 13.500 người vào năm 2035.

- Quy mô đất xây dựng đô thị đến năm 2035 khoảng 571,12 ha/2.525,36 ha diện tích tự nhiên khu vực nghiên cứu, trong đó:

- + Đất dân dụng khoảng 307,19 ha;

+ Đất ngoài dân dụng (đất các công trình cấp vùng đóng trên địa bàn, công trình đầu mối...) khoảng 2263,93ha;

- Đất khác (đồi núi, sông suối, mặt nước, nông nghiệp): Khoảng 1.951,24 ha.

#### 4.2. Chỉ tiêu cơ bản về sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật

a) Chỉ tiêu sử dụng đất.

Bảng dự báo quy mô đất dân dụng đến năm 2030 và năm 2035

(theo nhiệm vụ đã phê duyệt)

STT	Loại đất	Chỉ tiêu (m <sup>2</sup> /người)	Năm 2030		Năm 2035	
			Dự báo quy mô dân số	Dự báo Quy mô đất đai	Dự báo quy mô dân số	Dự báo Quy mô đất đai
			(người)	(ha)	(người)	(ha)
1	Đất ở mới	35-45	11.000	38,5-49,5	13.500	47,25- 60,75
2	Giao thông đô thị	15-20		16,5-22		20,25 - 27
3	Đất công cộng dịch vụ (dịch vụ, trường học,...)	5-10		5,5-11		6,75 – 13,5
4	Đất cây xanh đô thị	7-10		7,7-11		9,45 - 13,5
Tổng đất dân dụng		62-85		68,2 – 93,5		83,7 – 114,75

\* Chỉ tiêu sử dụng đất đạt được của đồ án:

- Đất dân cư phát triển mới khoảng 17,47 ha; chỉ tiêu đạt được 45,8m<sup>2</sup>/người (tính cho dân cư phát triển mới khoảng 3.808 người);

- Đất giao thông đô thị khoảng 57,55 ha, chiếm 18,5% diện tích đất dân dụng, chỉ tiêu đạt được 42,6 m<sup>2</sup>/người;

- Đất công cộng: 11,0 ha, chiếm 3,5% đất dân dụng, chỉ tiêu 8,1 m<sup>2</sup>/người;

- Đất cây xanh đô thị: 11,42 ha, chiếm 3,6% đất dân dụng, chỉ tiêu 8,4 m<sup>2</sup>/người.

b) Chỉ tiêu cơ bản về hạ tầng kỹ thuật.

- Chỉ tiêu điện năng: 1000KWh/người/năm;

- Cấp nước sạch: 120 lít/người/ng.đ.
- Thu gom xử lý chất thải rắn: 0,8kg/người/ngày;
- Xử lý nước thải: 90%.

## **5. Quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng**

### **5.1. Quy hoạch đất dân dụng**

Diện tích đất dân dụng khoảng 307,19 ha, trong đó:

- Diện tích đất dân cư hiện trạng: 209,75 ha, mật độ xây dựng đối với dân cư hiện trạng là 60%. Khu vực dân cư cũ được nâng cấp, cải tạo, đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

- Diện tích các khu dân cư mới: 17,47 ha, mật độ xây dựng đối với dân cư mới là 60%. Các khu dân cư quy hoạch phát triển bố trí chủ yếu ở khu vực mở rộng bên phía Bắc sông Mã; khu vực đầu cầu La Hán và một số khu xen cư trong đô thị.

- Diện tích đất công trình công cộng cấp đô thị: 11,00 ha;
- Đất cây xanh, thể dục thể thao khoảng 11,42ha;
- Đất giao thông đô thị: 57,55 ha.

### **5.2. Quy hoạch đất ngoài dân dụng**

Diện tích đất ngoài dân dụng khoảng 263,93 ha, được quy hoạch các cơ quan, công trình công cộng, công nghiệp - dịch vụ cấp huyện, cấp vùng đóng trên địa bàn thị trấn, ngoài ra bố trí quỹ đất phù hợp để dự phòng xây dựng các công trình trụ sở cơ quan khi có nhu cầu đầu tư xây dựng mới hoặc di chuyển đến vị trí khác.

### **5.3. Quy hoạch đất khác**

Diện tích đất khác khoảng 1.951,24ha bao gồm:

- Đất mặt nước: 147,9ha;
- Đất cây xanh, cảnh quan: 135,89ha;
- Đất đồi núi, đất rừng trồng: 1.293,37ha;
- Đất nông nghiệp: 374,08ha.

## 5.4. Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất

STT	TÊN LÔ ĐẤT	DIỆN TÍCH (ha)	MĐXD TỐI ĐA (%)	TẦNG CAO (tầng)	HỆ SỐ SDD (Lần)	TỶ LỆ (%)
* TỔNG DIỆN TÍCH LẬP QUY HOẠCH		2522,36				100
A	ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ	571,12				22,64
I	ĐẤT DÂN DỤNG	307,19				12,18
1	Đất đơn vị ở	227,22				9,01
1.1	Đất dân cư hiện trạng	209,75	60	1-3	1,8	8,32
1.2	Đất dân cư phát triển	17,47	60	2-5	3,0	0,69
2	Đất CTCC cấp đô thị	11,00				0,44
2.1	Đất cơ quan	2,02	40	2-5	2,0	0,08
2.2	Đất giáo dục	5,58				0,22
2.3	Đất y tế (Trạm y tế Cảnh Năng)	0,80	40	2-5	2,0	0,03
2.4	Đất công cộng	2,60				0,10
3	Đất Cây xanh, TĐTT	11,42	-	-	-	0,45
4	Giao thông đô thị	57,55	-	-	-	2,28
II	ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG	263,93				10,46
2.1	Đất cơ quan hành chính vùng	14,14				0,56
2.2	Đất cơ quan Công an	3,20	40	2-5	2,0	0,13
2.3	Đất An ninh Quốc phòng	45,41				1,80
2.4	Đất công cộng dịch vụ	2,40				0,10
2.5	Đất trung tâm văn hóa thể thao huyện	4,21				0,17
2.6	Đất bệnh viện đa khoa	1,51	40	2-5	2,0	0,06
2.7	Đất giáo dục - đào tạo cấp vùng	3,12				0,12
2.8	Đất Công nghiệp	73,30	40	1-2	0,8	2,91
2.9	Đất DVTM - DV du lịch vùng	11,75	30	1-3	0,9	0,47
2.10	Đất Nghĩa trang nhân dân	9,20	-	-	-	0,36
2.11	Đất bến xe khách đô thị	1,00	-	-	-	0,04
2.12	Đất Dự phòng phát triển	72,27	-	-	-	2,87
2.13	Đất trạm cấp nước sạch thị trấn	1,00				0,04
2.14	Đất giao thông	21,42	-	-	-	0,85
B	ĐẤT KHÁC	1951,24				77,36
1	Đất Mặt nước	147,90	-	-	-	5,86
2	Đất cây xanh cảnh quan	135,89	-	-	-	5,39
3	Đất đồi núi, đất rừng trồng	1293,37	-	-	-	51,28
4	Đất nông nghiệp	374,08	-	-	-	14,83

## **6. Định hướng kiến trúc và cảnh quan**

### **6.1. Không gian tổng thể đô thị**

\* Được xác định thành 2 khu vực:

- Khu vực thị trấn hiện tại: Trên cơ sở ổn định, chỉnh trang các công trình công cộng. Cải tạo, hợp khối liên cơ quan, nâng tầng (từ 2 tầng trở lên) để tạo bộ mặt kiến trúc công trình bề thế, hiện đại và tiết kiệm đất, dành đất cho xây dựng các khu chức năng khác theo nhu cầu phát triển của đô thị như: các trụ sở cơ quan hành chính kinh tế, dịch vụ, vườn hoa, cây xanh, sân TDTT...

- Khu vực phát triển mới của đô thị (phía bắc sông Mã): Các công trình xây dựng mới: Với các công trình đáp ứng cho sự phát triển của khu vực. Tầng cao tối thiểu từ 3 tầng, hình thức kiến trúc phong phú và hài hoà với không gian chung, phù hợp với bản sắc văn hoá địa phương. Đồng thời phải phù hợp với yêu cầu hoạt động đa dạng của khu vực.

### **6.2. Định hướng không gian phát triển đô thị**

- Khu trung tâm hành chính: Bao gồm các cơ quan hành chính, chính trị cấp huyện và thị trấn, trụ sở các cơ quan đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội... cơ bản giữ nguyên ở vị trí hiện tại. Bố trí quỹ đất phía Nam Quốc lộ 217 để xây dựng các cơ quan hành chính cấp huyện, các công trình công cộng khi có nhu cầu.

- Khu văn hoá, thể dục thể thao: Dành quỹ đất để quy hoạch khu quảng trường trung tâm gắn với không gian trung tâm hành chính mới của huyện (phía Nam Quốc lộ 217); Quy hoạch khu trung tâm Văn hóa, thể dục thể thao cấp huyện bao gồm: Sân vận động cơ bản, nhà thi đấu đa năng, bể bơi, các sân thể thao nhỏ (Tenis, cầu lông...) tại khu vực phía Bắc cầu Tân Lập (khu vực công sở xã Tân Lập hiện nay).

- Khu vực phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: Bố trí khu vực phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp về phía Đông Nam của đô thị thuộc xã Lâm Xa (cũ, nay thuộc thị trấn) và phía Tây Bắc đô thị thuộc xã Tân Lập (cũ, nay thuộc thị trấn).

- Khu thương mại, dịch vụ: Quy hoạch các khu thương mại, dịch vụ mới tại phía Đông Bắc của thị trấn, vị trí tại 2 bên cầu Tân Lập. Các vị trí khác như ngã 3 đi xã Ban Công (đầu cầu La Hán). Một số vị trí bên phía Bắc sông Mã khu quy hoạch mở rộng thị trấn.

- Các khu vực công viên cây xanh: Các khu vực ven ao hồ, sông suối sẽ được cải tạo lại để vừa thoát nước khi có lũ, vừa xây dựng thành các công viên cây xanh đô thị phục vụ cho nhu cầu nghỉ ngơi vui chơi giải trí của dân cư trong khu vực. Đảm bảo đô thị xanh, sạch đẹp phát triển bền vững và thân thiện với môi trường.

- Các khu dân cư: Cải tạo, chỉnh trang giữ lại các khu dân cư hiện hữu, phát triển khu dân cư mới ở các khu vực phát triển, đảm bảo nhu cầu ở cho dân cư đô thị với quy mô 13.500 dân.

## **7. Quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật**

### **7.1. Quy hoạch san nền**

Cơ bản giữ nguyên quy hoạch cũ, tuân thủ cao trình lòng hồ theo thiết kế của dự án thủy điện Bá Thước 2, trên cơ sở biểu đồ trắc dọc được xác lập mực nước lũ phổ biến. Cao độ mực nước vùng lòng hồ được tính toán với tần suất ngập  $P = 5\%$  là 41,0m, chọn cốt cao độ nền xây dựng  $\geq 44,5\text{m}$ .

\* Giải pháp san nền:

- Đối với khu vực dân cư hiện trạng: Chủ yếu đã ổn định, do vậy trong khu vực này chủ yếu chỉnh trang, xây dựng các hệ thống thoát nước nội bộ, xử lý cục bộ các khu vực ngập úng cục bộ, đảm bảo các điều kiện về vệ sinh môi trường.

- Trong phạm vi nghiên cứu chọn cốt cao độ nền xây dựng khu vực thượng lưu (từ cầu Cành Nàng về phía thượng lưu) là 48,0m; khu vực hạ lưu (khu vực gần cầu Mùn) là 45,0m.

### **7.2. Quy hoạch thoát nước**

Toàn bộ khu vực nghiên cứu được chia làm 3 lưu vực chính:

- Lưu vực 1 (Khu trung tâm) có diện tích khoảng 651,2 ha. được chia làm 5 tiểu lưu vực:

+ Tiểu lưu vực 1-1: Được giới hạn bởi trục đường 2 phía Bắc Quốc lộ 217 và núi Nàng. Nước mưa trong khu vực được thu gom về kênh tiêu phía Bắc núi Nàng sau đó thoát ra suối Mùn và đổ ra sông Mã.

+ Tiểu lưu vực 1-2: Được giới hạn bởi trục đường 2 phía Bắc Quốc lộ 217 và sông Mã. Nước mưa trong khu vực chủ yếu tự chảy hoặc qua 1 số rãnh thu gom nước mặt ra sông Mã.

+ Tiểu lưu vực 1-3: Khu vực cầu La Hán và cầu Cành Nàng. Nước mưa trong khu vực được thu gom về kênh tiêu hiện có chảy qua cầu Cành Nàng ra sông Mã.

+ Tiểu lưu vực 1-4: Là lưu vực nằm giữa Núi Nàng và Núi Lâm Xa. Nước mưa trong khu vực này chủ yếu tự chảy về suối Mùn trước khi đổ ra sông Mã. Khi xây dựng tuyến đường tránh ngập, bố trí các cống ngang tại các vị trí khe tụ thủy.

+ Tiểu lưu vực 1-5: Khu vực cầu Đắm. Nước mưa chủ yếu tự chảy về suối Đắm rồi thoát ra sông Mã.

- Lưu vực 2 (Phía Nam và Tây Nam xã Lâm Xa) có diện tích khoảng 473ha được chia làm 2 tiểu lưu vực. Nước mưa trong khu vực được thu gom vào 2 suối tự nhiên trước khi đổ ra sông Mã. 2 suối này ngoài tiêu thoát cho các khu dân cư còn là kênh thoát chính cho toàn bộ vùng phía Nam núi Lâm Xa nên cần có các biện pháp quản lý hành lang thoát lũ. Trước mùa mưa cần phải nạo vét, khơi thông đảm bảo lưu lượng dòng chảy.

- Lưu vực 3 (Phía Bắc sông Mã - xã Tân Lập) có diện tích khoảng 1.169ha được chia làm 4 tiểu lưu vực: Tương tự như lưu vực 2, nước mưa trong khu vực này thoát theo các khe, suối tự nhiên rồi đổ ra sông Mã. Các khe, suối này là trục thoát nước cho toàn bộ vùng núi phía Bắc xã Tân Lập, vì vậy trong phương án thoát nước sẽ được giữ nguyên và tận dụng để làm trục tiêu chính.

### **7.3. Quy hoạch giao thông**

\* Giao thông đối ngoại:

- Tuyến Quốc lộ 217:

+ Đoạn qua thị trấn Cành Nàng dài khoảng 7.586,4m, mặt cắt 1-1 (lộ giới: 26,0m; lòng đường:  $2 \times 7,0 = 14,0\text{m}$ ; vỉa hè 2 bên:  $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$ ).

- Tuyến Tỉnh lộ 523D:

+ Đoạn qua khu dân cư có mặt cắt 2A-2A (lộ giới: 19,0m; lòng đường: 9,0m; vỉa hè 2 bên:  $2 \times 5,0\text{m} = 10,0\text{m}$ ).

+ Đoạn ngoài khu dân cư có mặt cắt 2B-2B (lộ giới: 19,0m; lòng đường: 9,0m; hành lang HTKT:  $2 \times 5,0\text{m} = 10,0\text{m}$ ).

- Tuyến đường tránh đô thị từ Hón Tối đến qua Cầu Đắm:

+ Đoạn qua khu dân cư có mặt cắt 3A-3A (lộ giới: 26,0m; lòng đường: 9,0m; vỉa hè 2 bên:  $2 \times 5,0\text{m} = 10,0\text{m}$ ; hành lang bảo vệ, mỗi bên: 3.5m).

+ Đoạn ngoài khu dân cư có mặt cắt 3B-3B (lộ giới: 26,0m; lòng đường: 9,0m; hành lang HTKT:  $2 \times 3,5\text{m} = 7,0\text{m}$ ; hành lang bảo vệ, mỗi bên: 5,0m).



\* Giao thông đô thị:

Các tuyến đường nội bộ được thiết kế phù hợp với điều kiện tự nhiên, thuận lợi cho việc xây dựng các công trình kiến trúc và tổ chức giao thông đơn giản, thuận tiện, không gây căng thẳng cho giao thông ở trung tâm đô thị, quản lý giao thông tại các nút, phân tán xe được dễ dàng khi một đường bị tắc nghẽn.

- Tuyến trục cảnh quan có mặt cắt A-A (lộ giới 30,0m; lòng đường:  $2 \times 7,5\text{m} = 15,0\text{m}$ ; phân cách giữa: 3,0m; vỉa hè 2 bên:  $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$ ).

- Đoạn cầu qua sông có mặt cắt 4-4 (lộ giới: 17,5m; lòng đường: 7,5m; vỉa hè 2 bên:  $2 \times 5,0\text{m} = 10,0\text{m}$ ).

- Tuyến đường phía Bắc Sông Mã:

+ Đoạn qua khu dân cư có mặt cắt 3A-3A (lộ giới: 17,5m; lòng đường: 7,5m; vỉa hè 2 bên:  $2 \times 5,0\text{m} = 10,0\text{m}$ );

+ Đoạn ngoài khu dân cư có mặt cắt 3B-3B (lộ giới: 17,5m; lòng đường: 7,5m; lề đường + rãnh thoát nước:  $2 \times 5,0\text{m} = 10,0\text{m}$ ).

- Các tuyến đường nội bộ:

+ Mặt cắt 5-5 (lộ giới: 13,5m; lòng đường: 7,5m; vỉa hè 2 bên:  $2 \times 3,0\text{m} = 6,0\text{m}$ );

+ Mặt cắt 6-6 (lộ giới: 11,5m; lòng đường: 5,5m; kênh lang HTKT:  $2 \times 3,0\text{m} = 6,0\text{m}$ ).

\* Bãi đỗ xe và bến xe đối ngoại:

- Bãi đỗ xe: Xây dựng bãi đỗ xe tập trung tại các khu vực trung tâm công cộng, các công trình văn phòng cao tầng, đảm bảo bán kính phục vụ tốt nhất.

- Bến xe đối ngoại: Quy hoạch tại phía Nam thị trấn bến xe loại IV, diện tích chiếm đất khoảng 1,0ha.

#### **7.4. Quy hoạch cấp điện**

\* Tổng công suất tính toán: 11.223,1 KVA;

- Công suất phân cho sinh hoạt: 3.430,0KVA;

- Cấp điện cho công trình công cộng, dịch vụ thương mại, tính bằng 30% điện sinh hoạt: 1.029,5KVA;

- Công suất cấp điện cho công nghiệp:  $(120\text{KW/ha}) = 6.763,6 \text{ KVA}$ .

\* Nguồn điện: Cấp điện từ tuyến điện 35kV lộ 378 từ trạm 110KV Bá Thước cs (1x25) MVA – 110kV/35/22kV.

### **7.5. Quy hoạch cấp nước**

- Tổng Nhu cầu sử dụng nước của đô thị:  $Q = 3.800 \text{ m}^3/\text{ng.đêm}$ .
- Nguồn nước cấp cho đô thị được lấy từ nguồn nước mặt sông Mã (lòng hồ thủy điện Bá Thước 2).
- Trụ sở nhà máy cấp nước sạch sẽ được bố trí vào vị trí đất UBND xã Lâm Xa hiện nay, vị trí trạm cấp nước sạch được xác định trên đỉnh đồi phía sau trụ sở khoảng  $10.000\text{m}^2$ . Công suất nhà máy cấp nước  $3.800 \text{ m}^3/\text{ng.đêm}$ .

### **7.6. Thoát nước thải và VSMT**

#### a) Thoát nước thải:

Xây dựng 03 trạm xử lý nước thải sinh hoạt phục vụ nhu cầu của đô thị.

- Trạm số 1: Công suất  $500,0 \text{ m}^3/\text{ng.đêm}$ , phục vụ nhu cầu xử lý nước thải của khu vực thôn Vận Tải; thôn Tráng; khu phố 1 xã Lâm Xa, và khu phố 01 thị trấn Cảnh Nang.
- Trạm số 2: Công suất  $800,0 \text{ m}^3/\text{ng.đêm}$ , phục vụ nhu cầu xử lý nước thải của khu vực thôn Đám; thôn Nú; thôn Sán xã Lâm Xa, và khu phố 02; phố 03; phố 04; phố 05 thị trấn Cảnh Nang.
- Trạm số 3: Công suất  $700,0 \text{ m}^3/\text{ng.đêm}$ , phục vụ nhu cầu xử lý nước thải của khu vực xã Tân Lập.
- Đối với khu vực xây dựng cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phải xây dựng trạm xử lý nước thải riêng của từng khu.

b) Chất thải rắn: Chất thải sinh hoạt đô thị được thu gom tại các vị trí tập trung rác trong toàn khu đô thị, cuối ngày rác được xe dịch vụ chuyên dụng thu gom, phân loại vận chuyển về khu xử lý rác của khu vực bãi chôn lấp rác thải.

c) Nghĩa trang nhân dân: Từng bước đóng cửa, không chôn cất mới các nghĩa địa nằm phân tán, nhỏ lẻ trong khu vực. Quy hoạch mới khu nghĩa địa cho thị trấn về phía Bắc khu công nghiệp thuộc xã Tân Lập, diện tích khoảng  $5,0\text{ha}$ .

**7.7. Thông tin liên lạc:** Phát triển hệ thống mạng không dây và hạ ngầm hệ thống cáp quang, chạy dọc theo tuyến giao thông quy hoạch, nâng công suất tổng đài để mở rộng mạng điện thoại trong khu vực đô thị và các xã lân cận.

**7.8. Cây xanh và vệ sinh môi trường:** Trồng cây xanh 2 bên vỉa hè, trục đường giao thông. Khu xử lý nước thải được phân ra theo từng lưu vực thoát nước để đảm bảo nước tự chảy, nước sau khi được xử lý sẽ được thoát ra sông suối.

## **8. Phân kỳ đầu tư thực hiện quy hoạch**

a) Giai đoạn đến năm 2020:

- Đưa mốc giới quy hoạch ra thực địa, đồng thời tiến hành, lập quy hoạch chi tiết các khu chức năng. Đáp ứng cho yêu cầu quản lý, kêu gọi đầu tư, chỉ đạo thực hiện quy hoạch.

- Đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng kỹ thuật, chuẩn bị kỹ thuật xây dựng đô thị, đáp ứng cho yêu cầu khai thác quỹ đất, phát triển đô thị bền vững theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

b) Giai đoạn 2021-2025.

Cải tạo, chỉnh trang khu vực thị trấn hiện hữu, xây dựng cầu trung tâm sang khu vực phía Bắc để tạo bước phát triển đột phá cho thị trấn sau khu mở rộng.

- Cải tạo tuyến giao thông chính đô thị (Quốc Lộ 217) và hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm đô thị. Cải tạo hệ thống điện sinh hoạt, điện chiếu sáng đô thị, cấp thoát nước, bãi rác đô thị; Trạm cấp nước sạch tập trung;

- Đầu tư xây dựng Cầu trung tâm đô thị, nhằm khai tác quỹ đất khu vực phía Bắc sông Mã.

- Đề tăng các yếu tố tạo thị, thu hút dân cư, kêu gọi đầu tư hạ tầng xã hội như: Các trung tâm dịch vụ thương mại, chợ khu vực, khách sạn nhà hàng...

- Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật cụm CN-TTCN Lâm Xa;

- Xây dựng Nhà thi đấu TDTT, trường Tiểu học...

- Đầu tư tuyến đường 3 thị trấn (tuyến sông Mã).

- Kêu gọi đầu tư xây dựng hạ tầng khu thương mại dịch vụ kết hợp dân cư khu vực ngã 3 QL217 và cầu Cành Nàng. Khu dân cư mới Tân Lập.

c) Giai đoạn 2026-2030:

Trọng tâm là tiếp tục đầu tư khu vực thị trấn hiện nay, mở rộng vùng phát triển đô thị về phía Nam gắn với khu phát triển mới Nam QL 217. Từng bước đầu tư các yếu tố tạo thị khu vực phía Bắc sông Mã sau khi có cầu trung tâm. Cụ thể:

- Đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu vực phát triển mới Nam QL 217.
- Xây dựng Trung tâm hành chính mới huyện;
- Xây dựng tuyến đường tránh đô thị phía Nam thị trấn
- Đầu tư xây dựng trung tâm TĐTT huyện ( khu vực xã Tân Lập hiện nay)
- Đầu tư HTKT cụm CN – TTCN phía Bắc (Tân Lập)
- Đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu phát triển mới phía Bắc sông Mã; xây dựng trung tâm hành chính mới Thị trấn và các trung tâm dịch vụ thương mại, cộng đồng tại khu vực này để tăng các yếu tố tạo thị.

d) Giai đoạn 2031-2035:

- Tập trung đầu tư, hoàn thiện hệ thống hạ tầng khung khu vực Bắc sông Mã: Đầu tư tuyến đường kết nối từ cầu trung tâm với đường tỉnh 523D; nâng cấp tuyến đường tỉnh 523D đoạn qua khu vực phía Bắc thị trấn mới; đầu tư tuyến đường phía Bắc ven sông Mã (Tân Lập – Ban Công);

- Đầu tư xây dựng trung tâm Y tế mới của huyện;

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân huyện Bá Thước

- Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức công bố rộng rãi nội dung Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung thị trấn Cảnh Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035 chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày được UBND tỉnh phê duyệt để nhân dân biết, kiểm tra, giám sát và thực hiện theo quy định.

- Tiếp nhận, quản lý hồ sơ, tài liệu quy hoạch được giao và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt theo quy định của pháp luật;

- Lập chương trình, dự án ưu tiên đầu tư hàng năm và dài hạn, xác định các biện pháp thực hiện quy hoạch xây dựng và cải tạo đô thị trên cơ sở huy động mọi nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, nguồn khai thác từ quỹ đất bằng các cơ chế chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Bá Thước theo chức năng nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Bá Thước; Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như điều 3 Quyết định;
  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
  - Lưu: VT, CN.
- H2.(2020)QDPĐ DC QHC TT Canh Nang

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Mai Xuân Liêm**